TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÒA BÌNH** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2022/DS-ST
Ngày 27/05/ 2022
(*V/v Kiện đòi tài sản)*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH TỈNH HÒA HOÀ BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ toạ phiên toà*: Bà Đinh Thị Ngọc Hà
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Quốc Trung.
  Bà Phạm Thị Nga.
- *Thư ký phiên toà*: Bà Bùi Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.
- *Đại diện VKSND thành phố Hòa Bình tỉnh Hoà Bình tham gia phiên toà:* ông Bùi Quang Dũng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình

Ngày 27 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 07/ 2022/TLST-DS, ngày 21 tháng 02 năm 2022, về việc "Kiện đòi tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08 /2022/QĐXXST ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa:

***Nguyên đơn*:**
Bà Vũ Thị M - sinh năm 1960
Địa chỉ: tổ 10, phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Bị Đơn:
Bà Dươnng Thị N- sinh năm 1962
Địa chỉ: tổ 10, phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Người làm chứng :
1.Ông Nguyễn Nhiêu Đ sinh năm 1963.
Địa chỉ: tổ 10, phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.
2. Bà Bùi Thị Ph sinh năm 1961.
Địa chỉ: tổ 08, phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.
Các đương sự và người làm chứng đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện và các bản tự khai cũng như qua quá trình tố tụng của vụ án phía nguyên đơn bà Vũ Thị M trình bày: Tôi và bà N không có anh em họ hàng thân thích gì, cũng không làm ăn buôn bán chung nhau.Chỉ là chị em chơi thân thiết nên bà Dương Thị N nhờ tôi vay hộ tiền để giải quyết công việc gia đình.Tôi đã vay hộ bà N 07 lần cụ thể như sau :

Lần 1 : Ngày 20/3/2015 vay 98.000.000đ.

Lần 2 : Ngày 23/3/2015 vay 44.000.000đ.

Lần 3 : Ngày 15/5/2015 vay 50.000.000đ.

Lần 4 : Ngày 09/8/2015 vay 25.000.000đ.

Lần 5 : Ngày 12/9/2015 vay 40.000.000đ.

Lần 6 : Ngày 08/7/2016 vay 10.000.000đ.

Lần 7 : Ngày 07/10/2016 vay 20.000.000đ.

Tổng cộng 07 lần vay tiền là 287.000.000đ (Hai trăm tám mươi bẩy triệu đồng), có thỏa thuận lãi xuất và thời hạn vay với nhau nhưng không ghi cụ thể vào giấy vay tiền. Khi tôi cho bà N vay tiền có viết giấy vay tiền và ký nhận với nhau. Những giấy vay tiền này tôi đã nộp cho Tòa án làm chứng cứ để giải quyết vụ án. Còn tôi vay tiền người ta thì ký vào sổ tay của người ta.

Tôi yêu cầu bà Dương Thị N phải hoàn trả cho tôi số tiền nợ gốc là : 287.000.000đ và lãi xuất tính như sau :

Tổng tiền gốc là 287.000.000đ, khoản tiền 257.000.000đ tính lãi xuất 1%/ tháng, khoản tiền 30.000.000đ tính lãi xuất 1,25%/tháng.Cụ thể :

257.000.000đ x 1%/ tháng x 66 tháng 27 ngày (tính đến ngày xét xử 27/5/2022) là 171.933.000đ (Một trăm bảy mươi mốt triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Đối với khoản tiền vay 20.000.000đ ngày 07/10/2016, tôi yêu cầu tính lãi suất 1.25%/ tháng x 67 tháng 20 ngày (tính đến ngày xét xử 27/5/2022) là : 16.916.000đ (Mười sáu triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng).

Đối với khoản tiền vay 10.000.000đ ngày 08/07/2016, tôi yêu cầu tính lãi suất 1.25%/ tháng x 70 tháng 19 ngày (tính đến ngày xét xử 27/5/2022) là : 8.849.000đ (Tám triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Tổng số tiền tôi yêu cầu bà N phải trả cho tôi số tiền là : 484.698.000đ. Trong đó, nợ gốc là : 287.000.000đ (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng), nợ lãi là: 197.698.000đ (Một trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Phía bị đơn bà Dương Thị N trình bày : Tôi công nhận là có được nhờ bà Vũ Thị M vay hộ tiền cho tôi để giải quyết việc gia đình 10 lần, tổng số tiền vay là 502.000.000đ (Năm trăm linh hai triệu đồng). Cụ thể ngày vay, số tiền vay và lãi xuất :

Lần 1 : ngày 02/11/2013 vay 85.000.000đ x 3,5%/ tháng.

Lần 2 : ngày 29/11/2013 vay 100.000.000đ x 3,5%/ tháng.

Lần 3 : ngày 20/3/2015 vay 98.000.000đ x 3,5%/ tháng.

Lần 4 : ngày 23/3/2015 vay 44 .000.000đ lãi xuất 3,5%/ tháng.

Lần 5 : ngày 15/5/2015 vay 50.000.000đ x 4%/ tháng.

Lần 6 : ngày 6/7/2015 vay 30.000.000đ x 4%/ tháng

Lần 7 : ngày 09/8/2015 vay 25.000.000đ x4%/ tháng.

Lần 8 : ngày 08/7/2016 vay 10.000.000đ, không tính lãi.

Lần 9 : 07/10/2016 vay 20.000.000đ không tính lãi.

Lần 10 : ngày 12/9/2015 vay 40.000.000đ x 4%/ tháng.

Khi vay tôi có viết giấy vay tiền với bà M, không viết lãi xuất vay trong giấy, không thời hạn vay, nhưng hai bên thỏa thuận miệng với nhau mức lãi xuất, tiền lãi trả hàng tháng, tiền gốc khi nào bà M cần thì báo trước 01 tháng.

Mục đích tôi vay tiền là để trả nợ cho con trai tôi là Nguyễn Nhiêu Q (vì cháu Q đi vay lãi ngoài lãi xuất cao, nên tôi vay bà M lãi xuất thấp để trả nợ cho con và lo cho con đi nước ngoài.)

Tôi đã trả cho bà M 08 lần, với số tiền là : 505.700.000đ.

Lần 1 : Ngày 26/11/2016 trả 189.500.000đ. Trả tại nhà riêng của tôi tại tổ 10 phường Dân Chủ, TP Hòa Bình.

Lần 2 : Từ tháng 01/2016 đến tháng 10/2016 trả cho bà M 95.800.000đ trả bằng hình thức thẻ lương của tôi và lương của chồng tôi là Nguyễn Nhiêu Đ sinh năm 1963.

Lần 3 : Tháng 11/2017 trả 150.000.000đ, trả tại cổng của Ngân hàng Liên việt , phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, có bà Nguyễn Thị Á sinh năm 1962, trú tại : xóm Bái Yên , phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình đi cùng tôi chứng kiến.

Lần 4 : Tháng 7/2027 trả 30.000.000đ tại sân nhà của bà M.

Lần 5 : Năm 2019 con trai tôi là Nguyễn Nhiêu Q sinh năm 1992, hiện nay đang ở quận 7 ,Thành phố Hồ Chí Minh trả trực tiếp cho bà M là 20.000.000đ. tại nhà bà M,.

Lần 6 : Tháng 1/2022 tôi trực tiếp trả cho bà M 10.000.000đ trả tại UBND phường Dân Chủ.

Lần 7 : Bà M tự đi rút 02 tháng lương hưu của tôi tháng 4, tháng 5/2017 02 tháng là 9.400.000đ.(mỗi tháng là 4.700.000đ).

Lần 8 : Lần chồng bà M đi viện khoảng năm 2019 trả 1.000.000đ thông qua bà Nguyễn Thị Á (bà Á vay tôi 1.000.000đ , bà Á trả thẳng cho bà M).

Toàn bộ những lần tôi trả tiền cho bà M , hai bên không viết giấy tờ gì, không ký nhận gì với nhau cũng không ghi âm, ghi hình. Toàn bộ số tiền tôi trả cho bà M, bà M nói với tôi là tính vào tiền lãi , tôi không đồng ý nhưng bà M vẫn tính vào tiền

lãi. Khi trả tiền tôi cũng không lấy lại giấy vay tiền giữa tôi và bà M.Tôi không trả lãi hàng tháng như thỏa thuận. Khi trả tiền cũng không nói rõ với nhau là trả nợ cho khoản vay nào, bao nhiêu tiền trả nợ gốc, bao nhiêu tiền trả nợ lãi .

Chứng cứ chúng minh cho việc tôi trả tiền bà M như tôi đã trình bày ở trên. Ngoài ra không có chứng cứ gì khác.

Nay bà M yêu cầu tôi phải trả cho bà số tiền là 484.698.000đ. Trong đó, 287.000.000đ (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng) là nợ gốc, và 197.698.000đ (Một trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng) nợ lãi.Tôi không đồng ý vì tôi đã trả nợ cho bà M nhiều lần. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Ngày 15/04/2022, Tòa án tiến hành lập biên bản về việc kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải :

Bà Vũ Thị M cung cấp:

- **07 Giấy vay tiền** đề các ngày 20/3/2015 , 23/3/2015 ;15/5/2015; 09/8/2015; 12/9/2015; ngày 08/7/2016 và ngày 07/10/2016 giữa bà Vũ Thị M và bà Dương Thị N.(bản gốc).

Bà Dương Thị N cung cấp :

-01 giấy oli dòng đầu tiên ghi ngày vay, số tiền nội dung : thể hiện 10 lần vay tiền, không có ký nhận của ai.

-01 giấy oli dòng đầu tiên ghi N nợ cũ tháng trước 2650.000, dòng cuối ghi ba triệu tám trăm sau mươi hai nghìn đồng chẵn, không có ký nhận của ai.

-01 tờ giấy lịch dòng đầu tiên ghi tháng 12, dòng cuối ghi 13tr620 , không có ký nhận của ai. Mặt sau là tờ lịch ghi 27/12/2015.

-01 tờ giấy lịch dòng đầu tiên ghi T10 : 10tr 885, dòng cuối ghi 509tr025 , không có ký nhận của ai. Mặt sau là tờ lịch ghi 26/12/2015 (màu xanh).

-01 tờ giấy lịch dòng đầu tiên ghi T11, dòng cuối ghi 12tr520 , không có ký nhận của ai. Mặt sau là tờ lịch ghi 17/11/2015 (màu vàng).

-01 tờ giấy dòng đầu tiên ghi T8, dòng cuối ghi 29tr760 , không có ký nhận của ai. Mặt sau dòng đầu ghi T8 : 44 x 3 =1320, dòng cuối ghi 9/8- Vay tiền giả NHNN : 25tr. không có ký nhận của ai

-01 giấy oli dòng đầu tiên ghi T6 44 x 3 = 1320, dòng cuối ghi chữ Dương Thị N , không có ký nhận của ai.

-01 tờ giấy ô li dòng đầu tiên ghi 29/1/2016 vay ngân hàng nông nghiệp chăm mát , dòng cuối ghi tổng cộng 505.786.000đ.

Toàn bộ giấy tờ trên là bản gốc đều là chữ ký viết của bà N, không có chữ ký của bà M.

Tại biên bản hòa giải ngày 15/4/2022 và phiên đối chất ngày 25/5/2022, bà N công nhận có được vay tiền của bà M số tiền là 502.000.000đ nhưng bà đã trả cho bà M 505.786.000đ. Do việc hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 27/05/2022.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay :

Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện : yêu cầu bà N phải hoàn trả cho bà số tiền là : 484.698.000đ. Trong đó nợ gốc 287.000.000đ (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng) nợ lãi 197.698.000đ (Một trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Phía bị đơn công nhận có được vay tiền nhiều lần của nguyên đơn nhưng đã trả 505.786.000. Không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện VKSND Thành phố Hòa Bình phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án, Nguyên đơn,bị đơn kể từ khi thụ lý đến tr□ớc khi HĐXX nghị án đều tuân theo pháp luật không có vi phạm gì.

Về nội dung vụ án đề nghị HĐXX áp dụng klhoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 BLTTDS và các Điều 474, điều 476, điều 477 BLDS 2005.;NQ 326/2016/UBTVQH.

Đề nghị HĐXX : chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị M buộc bà Dương Thị N phải trả cho bà M số tiền 287.000.000đ nợ gốc và tiền lãi xuất kèm theo.

Về án phí : Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

{ 1} Về thẩm quyền : Bị đơn bà Dương Thị N có hộ khẩu thường trú tại Tổ 10, phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình. Căn cứ theo các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.

[2]. *Về quan hệ pháp luật*: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị M đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Dương Thị N phải trả khoản tiền vay là 287.000.000đ (hai trăm tám mươi bảy triệu đồng) và lãi xuất. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật vụ án là " Kiện đòi tài sản" theo điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bà M đã cho bà N 07 lần vay tiền là 287.000.000đ (hai trăm tám mươi bẩy triệu

đồng chắn). chứng cứ chứng minh là 07 giấy vay tiền bản gốc có ký nhận của bà Dương Thị N..

Phía bà Dương Thị N thừa nhận : Bà có được vay tiền của bà M 10 lần tổng số tiền vay là 502.000.000đ (Năm trăm linh hai triệu đồng) bà đã trả 505.700.000đ (Năm trăm linh năm triệu bẩy trăm nghìn đồng). Khi trả tiền hai bên không viết giấy tờ gì, không ký nhận gì. Không ghi âm, ghi hình gì , toàn bộ số tiền bà N trả cho bà M hai bên đều không nói rõ với nhau là trả nợ gốc hay trả nợ lãi và trả cho khoản vay nào.

Bà Vũ Thị M và bà Dương Thị N đã thống nhất được với nhau :

Tổng số tiền bà M cho bà N vay là : 502.000.000đ (Năm trăm linh hai triệu đồng).

Số tiền bà N đã trả cho bà M là : : 505.700.000đ (Năm trăm linh năm triệu bẩy trăm nghìn đồng). Hiện nay bà N còn nợ bà M số tiền 287.000.000 đ (Hai trăm tám mươi bẩy triệu đồng).

Hai bên không thống nhất được việc đã trả nợ cho nhau : Trả tiền trừ vào nợ gốc hay trừ vào nợ lãi.

Theo bà M : Khi bà N trả tiền bà đã trừ 215.000.000đ tiền nợ gốc và trừ vào tiền lãi của tổng số tiền vay là 502.000.000đ , vì bà N không trả lãi hàng tháng như đã thỏa thuận nên cộng dồn tiền lãi của hàng tháng lại và trừ đi.

Theo bà N : bà M nhận tiền không trừ một đồng nào vào tiền nợ gốc mà trừ toàn bộ vào tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay : bà M cung cấp cho Tòa án 03 giấy vay tiền (bản gốc) của bà N, thể hiện ngày 02/11/2013 vay 85.000.000đ, ngày 29/11/2013 vay 100.000.000đ; ngày 06/7/2015 vay 30.000.000đ cả 03 giấy vay tiền này đã gạch chéo bằng bút bi đỏ theo bà M khai đây là khoản tiền bà M đã trừ vào tiền nợ gốc cho bà N, nên số tiền nợ gốc còn lại là 287.000.000đ.Phù hợp với khoản tiền vay và tiền trả.

Ngày 28/03/2022 Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với bà Dương Thị N, yêu cầu Bà N cung cấp giấy tờ tài liệu, sổ sách có liên quan hoặc chứng cứ chứng minh đến việc vay tiền, trả tiền cho bà M, nhưng đến nay bà M không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình đã tiến hành lấy lời khai những người làm chứng như bà Bùi Thị Ph, ông Nguyễn Nhiêu Đ, bà Vũ Thị C, bà Nguyễn Thị Á đều trình bày : việc vay tiền và trả tiền giữa bà M và bà N mọi người đều không được chứng kiến, mà chỉ nghe bà M hoặc bà N kể lại có việc hai bà cho nhau vay tiền. Mục đích bà N vay tiền của bà M để trả nợ những chỗ vay lãi xuất cao như 5000đ/1triệu/1 ngày hoặc 8000đ/1triệu/1 ngày có chỗ vay 10.000đ/1 triệu/1 ngày.

Lời khai của bà Dương Thị N không có căn cứ, bà N cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc đã trả nợ cho bà M cụ thể là khoản tiền nào trả nợ gốc, khoản tiền nào trả nợ tiền lãi và trả cho khoản vay nào.Những giấy tờ bà N cung cấp cho Tòa án chỉ là chữ viết của bà N không có chữ ký xác nhận của bà M, do đó chứng cứ này không được chấp nhận.Việc bà M khởi kiện đòi tài sản với bà N là có căn cứ chấp nhận.Từ các quy định của pháp luật đã phân tích trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị M, buộc bà Dương Thị N phải thanh toán khoản tiền còn nợ là 287.000.000 đ (Hai trăm tám mươi bẩy triệu đồng).

Về tiền lãi xuất HĐXX xét thấy việc bà M, bà N vay tiền của nhau có thỏa thuận mức lãi xuất, tại phiên tòa hôm nay bà M yêu cầu tính lãi xuất , mức lãi xuất bà M yêu cầu phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên HĐXX chấp nhận

Như vậy buộc bà Dương Thị N phải trả cho bà Vũ Thị M số tiền là 484.698.000đ. Trong đó nợ gốc: 287.000.000đ (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng) nợ lãi (tính đến ngày 27/5/2022): 197.698.000đ (Một trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Bị đơn bà Vũ Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 26; khoản 1 điều 35, điều 39,điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 471, điều 474, điều 476, điều 477 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

1-Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị M.

Buộc bà Dương Thị N phải trả cho bà Vũ Thị M số tiền là 484.698.000đ (Bốn trăm tám mươi tư sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng). Trong đó nợ gốc: 287.000.000đ (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng) nợ lãi (tính đến ngày 27/5/2022): 197.698.000đ (Một trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án , quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền , hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2-Về án phí :

- Bà Dương Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 23.387.920đ (Hai mươi ba triệu ba trăm tám mươi bẩy nghìn chín trăm hai mươi đồng)
- Bà Vũ Thị M được hoàn lại số tiền 7.000.000đ (Bẩy triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001278 ngày 21/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

NƠI NHẬN
-TAND tỉnh Hòa Bình
-VKSNDTP Hòa Bình
-VKSND tỉnh Hòa Bình
-Chi cục THADS TP Hòa Bình
-Các đương sự

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

ĐINH THỊ NGỌC HÀ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NƠI NHẬN
-TAND tỉnh Hòa Bình
-VKSNDTP Hòa Bình
-VKSND tỉnh Hòa Bình
-Chi cục THADS TP Hòa Bình

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

-Các đương sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NƠI NHẬN
-TAND tỉnh Hòa Bình
-VKSNDTP Hòa Bình
-VKSND tỉnh Hòa Bình
-Chi cục THADS TP Hòa Bình
-Các đương sự

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NƠI NHẬN
-TAND tỉnh Hòa Bình
-VKSNDTP Hòa Bình
-VKSND tỉnh Hòa Bình
-Chi cục THADS TP Hòa Bình
-Các đương sự
-Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÒA BÌNH** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: /2021/DS-ST
Ngày 2021
(*V/v Kiện đòi tài sản)*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH TỈNH HÒA HOÀ BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ toạ phiên toà*: Bà Mông Thị Dung
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
- *Thư ký phiên toà*: Bà Bùi Thái Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.
- *Đại diện VKSND thành phố Hòa Bình tỉnh Hoà Bình tham gia phiên toà* - *Kiểm sát viên* Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hòa Bình , tỉnh Hòa Bình

Mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 06/ 2021/TLST-DS, ngày 01tháng 2 năm 2021, về việc "Kiện đòi tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11 /2021/QĐST ngày 18 tháng 6 năm 2021 giữa:

***Nguyên đơn*:**

-Bà Nguyễn Thị Vân - sinh năm 1964

Địa chỉ: số nhà 204 dãy A47 , tổ 13 phường Hữu Nghị , thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, Có đơn xin mặt tại phiên tòa

.

Bị Đơn:

- Bà Nguyễn Thị Thủy- sinh năm 1969

Địa chỉ: Xóm Gò Bùi, xã Mông Hóa , thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình- có mặt tại phiên tòa.

-

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các bản tự khai cũng như qua quá trình tố tụng của vụ án và tại phiên tòa , phía nguyên đơn trình bày: Ngày 11/9/2017 bà Nguyễn Thị Thủy viết giấy vay của bà Nguyễn Thị Vân số tiền 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng). Ngày 10/10 2017 bà Thủy lại vay tiếp 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng) ; Ngày 23/7/2018 bà Thủy vay tiếp 7.000.000 đ (bảy triệu đồng). Vì có sự quen biết nên thỏa thuận bằng miệng trả 2% lãi suất/một tháng. Bà Thủy hẹn khi nào làm xong đất dự án trả tiền sẽ thanh toán hết. Đợi mãi không thấy bà Thủy trả tiền nên tháng 01/2021 bà Vân đã đòi cả gốc lẫn lãi là 90.000.000 đ (chín mươi triệu đồng). Tại bản tự khai ngày 3/3/2021 bà Vân khai : tổng số tiền vay 03 lần là 62.000.000 đ (sáu mươi hai triệu đồng), khi làm giấy vay bà Vân bắt bà Thủy ghi là cầm tiền để xin việc cho cháu bà Vân nhưng thực chất lúc đó bà Thủy còn đang làm giáo viên mầm non nên bà Vân bắt ghi như vậy để bà Thủy phải có trách nhiệm trả số tiền vay. Bà Vân khởi kiện yêu cầu bà Thủy phải trả 90.000.000 đ (chín mươi triệu đồng).Kèm theo đơn khởi kiện bà Vân nộp giấy photo biên nhận ngày 11/9/2017 bà Thủy vay 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng). Ngày 10/10 2017 bà Thủy vay tiếp 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng) ;

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy trình bày trong bản tự khai ngày 8/4/2021: Bà Thủy có đến nhà bà Vân để vay số tiền 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng), hai bên có làm giấy biên nhận ngày ngày 11/9/2017. , trong giấy hẹn ngày 10/10/2017 bà Thủy sẽ hoàn trả bà Vân số tiền vay. Ngày 10/10/2017 bà Vân gọi bà Thủy đến nhà đòi khoản tiền lãi là 5% của số tiền 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng), bà Thủy đã đưa trả bà Vân 5.000.000 đ(năm triệu đồng) tiền lãi. Bà Vân đọc cho bà Thủy viết là nhận tiếp của bà Vân 30.000.000 đồng(ba mươi triệu đồng) nhưng thực tế không được nhận số tiền này mà theo yêu cầu của bà Vân là chỉ khi nào trả đủ tiền thì bà Vân chỉ lấy đúng được25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng).
Tòa án thành phố Hòa Bình đã tiến hành lập biên bản về kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Đối với các chứng cứ liên quan đến việc đòi nợ, *nguyên đơn giao nộp:*

- Giấy vay nợ photo viết tay ngày 23/7/2018 (số tiền 7.000.000 đ)

- Giấy biên nhận nợ (bản gốc)viết tay ngày 11/9/2017 của bà Nguyễn Thị Thủy . Ngày 10/10 2017 bà Thủy vay tiếp 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng) ;

  **Bị đơn nộp chứng cứ:*
- Bản photo chứng từ nộp tiền vào tài khoản của bà Vân ngày 26/10/2020 số tiền 2.000.000 đồng; ngày 30/11/2020 số tiền 1.000.000 đồng ; giấy nộp tiền ngày 30/6/2020 số tiền 1.000.000 đồng ; ngày 10/6/2020 số tiền 1.000.000 đồng
- Ngoài ra bà Thủy nộp thêm chứng từ của con trai bà Thủy là Nguyễn Trường Thọ chuyển tiền cho bà Vân ngày 21/7/2020 số tiền 2.000.000 đồng nhưng bà Vân không chấp nhận và cho rằng Thọ cũng có nợ bà Vân. Để chứng minh, bà Vân đã nộp lại 02 giấy biên nhận số tiền Thọ vay ngày 31/8/2018 số tiền 70.000.000 đông; ngày 19/8/2018 nhận số tiền 60.000 000đồng

  -01 bản in biên lai không đề ngày tháng người gửi Nguyễn Thị Thủy đến người nhận Nguyễn Thị Vân 1.000.000 đồng

Tại phiên hòa giải, bà Thủy có ý kiến : thừa nhận có vay của bà Vân 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng) , bà Vân đòi trả 5.000.000 đ / tháng nhưng bà Thủy xin trả 2.000.000đ/ tháng. Mục đích vay không phải xin việc mà vì bà Vân ép viết như vậy nên trog lúc túng quẫn phải viết theo ý bà Vân. Cùng tờ giấy vay ngay phía dưới có viết bà Thủy nhận 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng) ngày 10/10/2017. Thực tế bà Thủy không được nhận số tiền này mà là do bà Vân ép viết và bảo lúc trả chỉ phải trả 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng).Đối với số tiền 7.000.000 đ (bảy triệu đồng) viết giấy ngày 23/7/2018là khoản tiền bà Vân tính lãi 3.000đ/ngày của số tiền 25.000.000 đ chốt lại ngày 23/7/2018; bà Thủy vẫn phải trả lãi hàng tháng cho bà Vân, chậm trả là bà Vân khởi kiện ra tòa và từ khi bà Vân khởi kiện thì bà Thủy mới không trả lãi nữa. Bà Thủy chỉ chấp nhận trả cho bà Vân 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng) vay gốc , không trả lãi, không chấp nhận trả 30.000.000 đồng(ba mươi triệu đồng) và khoản tiền 7.000.000 đ (bảy triệu đồng) vì cho rằng thực tế không được nhận hai khoản tiền đó.

Do việc hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 30/6/2021, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa vì do diễn biến dịch bệnh tại thành phố Hồ chí Minh đang phức tạp, bà Vân đang chữa bệnh tại thành phố Hồ chí Minh không thể đến tham dự phiên tòa. Bà Vân có đơn xin xử vắng mặt. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Thủy trả 62.000.000đ tiền gốc và lãi 5% / một tháng (tức là 3.100.000 đ/tháng) , bắt đầu tính từ 11/9/ 2017 đến khi xét xử sơ thẩm. Nhất trí trừ các khoản tiền bà Thủy đã trả có nộp chứng từ chứng minh.

Tại phiên tòa hôm nay vụ án đưa ra xét xử với sự vắng mặt bà Nguyễn Thị Vân, bị đơn bà Thủy có mặt và chỉ chấp nhận trả cho bà Vân 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng) vay gốc , không trả lãi, đề nghị trừ 5.000.000 đ bà Thủy có hóa đơn thanh toán được bà Vân chấp nhận. Không yêu cầu xét hóa đơn mang tên nguyễn

Trường Thọ vì thực tế Thọ sẽ tự chịu trách nhiệm thanh toán khoản tiền vay của bà Vân. ; không chấp nhận trả 30.000.000 đồng(ba mươi triệu đồng) và khoản tiền 7.000.000 đ (bảy triệu đồng)như bà Vân đã yêu cầu .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

- [1]. *Về quan hệ pháp luật*:Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân đề nghị Tòa án giải quyết buộc Bà Nguyễn Thị Thủy-sinh năm 1969 có địa chỉ: Xóm Gò Bùi, xã Mông Hóa , thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình trả khoản tiền vay nợ gốc 62.000.000 đ (sáu mươi hai triệu đồng) và tiền lãi 5% / một tháng, tính từ ngày viết giấy vay 11/9/ 2017 đến khi xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo điều 463 Bộ luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- [2] *Về nội dung vụ án*: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 11/9/2017 bà Nguyễn Thị Thủy viết giấy vay của bà Nguyễn Thị Vân số tiền 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng). Cùng trên tờ giấy vay của ngày 11/9/2017 , phía dưới bà Thủy viết ngày 10/10 2017 bà Thủy lại vay tiếp 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng) ; Ngày 23/7/2018 bà Thủy vay tiếp 7.000.000 đ (bảy triệu đồng). Bà Vân đã nộp các chứng cứ là: Giấy biên nhận nợ (bản gốc)viết tay ngày 11/9/2017 của bà Nguyễn Thị Thủy . Ngày 10/10 2017 bà Thủy vay tiếp 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng) ; Giấy vay nợ photo viết tay ngày 23/7/2018 (số tiền 7.000.000 đ). Bà Thủy đã thừa nhận chính tay bà Thủy viết các giấy vay nợ này. Quá trình giải quyết vụ án, bà Thủy có giao nộp các chứng cứ là các biên lai nộp tiền vào tài khoản : 26/10/2020 số tiền 2.000.000 đồng; ngày 30/11/2020 số tiền 1.000.000 đồng ; giấy nộp tiền ngày 30/6/2020 số tiền 1.000.000 đồng ; ngày 10/6/2020 số tiền 1.000.000 đồng. Tổng số tiền 5.000.000 đ (năm triệu đồng), được bà Vân chấp nhận.
  Đối với các chứng từ bà Thủy nộp của con trai là Nguyễn Trường Thọ chuyển tiền cho bà Vân ngày 21/7/2020 số tiền 2.000.000 đồng nhưng bà Vân không chấp nhận và cho rằng Thọ cũng có nợ bà Vân. Để chứng minh, bà Vân đã nộp lại 02 giấy biên nhận số tiền Thọ vay ngày 31/8/2018 số tiền 70.000.000 đồng; ngày 19/8/2018 nhận số tiền 60.000

000đồng. Xét thấy vì bà Thủy cũng thừa nhận là Thọ có vay của bà Vân và phải chịu trách nhiệm thanh toán cho bà Vân nên không yêu cầu tính các hóa đơn tên Nguyễn Trường Thọ vào khoản vay giữa bà Thủy và bà Vân nữa nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

-01 bản in biên lai không đề ngày tháng người gửi Nguyễn Thị Thủy đến người nhận Nguyễn Thị Vân 1.000.000 đồng. Xét thấy đối với chứng từ này là bản sao kê không đề ngày tháng nên không có cơ sở chấp nhận .

Xét nội dung ghi trong giấy vay : bà Thủy thừa nhận vay của bà Vân số tiền 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng). bà Vân đòi trả 5.000.000 đ / tháng nhưng bà Thủy xin trả 2.000.000đ/ tháng. Mục đích vay không phải xin việc mà vì bà Vân ép viết như vậy nên trog lúc túng quẫn phải viết theo ý bà Vân. Cùng tờ giấy vay, phía dưới có viết bà Thủy nhận 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng) ngày 10/10/2017. Thực tế bà Thủy không được nhận số tiền này mà là do bà Vân ép viết và bảo lúc trả chỉ phải trả 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng).Đối với số tiền 7.000.000 đ (bảy triệu đồng) viết giấy ngày 23/7/2018 là khoản tiền bà Vân tính lãi 3.000đ/ngày của số tiền 25.000.000 đ chốt lại ngày 23/7/2018; bà Thủy vẫn phải trả lãi hàng tháng cho bà Vân, chậm trả là bà Vân khởi kiện ra tòa và từ khi bà Vân khởi kiện thì bà Thủy mới không trả lãi nữa. Bà Thủy chỉ chấp nhận trả cho bà Vân 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng) vay gốc , không trả lãi, không chấp nhận trả 30.000.000 đồng(ba mươi triệu đồng) và khoản tiền 7.000.000 đ (bảy triệu đồng) vì cho rằng thực tế không được nhận hai khoản tiền đó.

Xét thấy việc bà Thủy có viết giấy vay tiền với bà Vân là có thật. Bà Thủy chỉ nhận có vay số tiền 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng); không nhận khoản tiền 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng) ngày 10/10/2017 và số tiền 7.000.000 đ (bảy triệu đồng) viết giấy ngày 23/7/2018 .

Trên cơ sở đối chiếu khoản tiền 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng) ngày 10/10/2017 mà bà Thủy cho rằng thực tế không được nhận mà do bà Vân ép viết vì không trả được lãi, và số tiền 7.000.000 đ (bảy triệu đồng) viết giấy ngày 23/7/2018 là khoản tiền bà Vân tính lãi 3.000đ/ngày của số tiền 25.000.000 đ chốt lại ngày 23/7/2018 cho thấy lời khai của bà Thủy hoàn toàn không phù hợp với những số liệu do chính bà Thủy đưa ra đó là : bà Vân đòi trả 5.000.000 đ / tháng nhưng bà Thủy xin trả 2.000.000đ/ tháng, bà Thủy vẫn phải trả lãi hàng tháng cho bà Vân, chậm trả là bà Vân khởi kiện ra tòa và từ khi bà Vân khởi kiện thì bà Thủy mới không trả lãi nữa. Nếu bà Thủy đã trả lãi hàng tháng thì từ thời điểm vay 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng) là ngày 11/9/2017 đến ngày 10/10 2017 viết nhận 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng) chưa hết hạn tháng vay đầu tiên và khoản tiền lãi không thể đạt ở mức 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng)/một tháng, không có lý do gì để bà Vân phải ép bà Thủy nhận số tiền khống như vậy; Đối với số tiền 7.000.000 đ (bảy

triệu đồng) viết giấy ngày 23/7/2018 bà Thủy cho rằng là khoản tiền bà Vân tính lãi 3.000đ/ngày của số tiền 25.000.000 đ chốt lại ngày 23/7/2018 sẽ là: 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng) x 3.000đ/ngày x 309 ngày (11/9/ 2017 đến 23/7/2018)=23.175.000đ cho thấy số lãi theo lời khai bà Thủy là không hợp lý cho việc bà Thủy vẫn phải trả số lãi cùng với thời gian như bà Thủy khai trên.

Vì vậy căn cứ các chứng từ ghi số tiền vay và các chứng từ thể hiện việc trả nợ, xác định bà Vân khởi kiện yêu cầu bà Thủy phải trả số tiền nợ gốc 62.000.000 đ (Sáu mươi hai triệu đồng) là có căn cứ, được chấp nhận. Về tiền lãi, bà Vân yêu cầu bà Thủy phải thanh toán khoản tiền lãi mức 5% / một tháng, tính từ ngày viết giấy vay 11/9/ 2017 đến khi xét xử sơ thẩm là trái với quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử cần điều chỉnh lại mức tiền lãi cho phù hợp

Trong khi đó bà Thủy và bà Vân đã thống nhất có việc bà Thủy trả được tổng 5.000.000 đ (năm triệu đồng tại các phiếu nộp: 26/10/2020 số tiền 2.000.000 đồng; ngày 30/11/2020 số tiền 1.000.000 đồng ; giấy nộp tiền ngày 30/6/2020 số tiền 1.000.000 đồng ; ngày 10/6/2020 số tiền 1.000.000 đồng

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 điều 466, điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định về lãi suất trong hợp đồng vay tài sản, đến hạn bên vay không trả được nợ , bên cho vay có quyền yêu cầu trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 648 BLDS trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nay được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS tại thời điểm trả nợ (20%/năm của khoản tiền vay)

áp dụng đối với việc vay tiền giữa bà Vân và bà Thủy tại các thời điểm vay như sau:

Ngày 11/9/ 2017 vay 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng) x10%/năm x 46 tháng, 4 ngày = 65.200.000đ tiền lãi;

Ngày 10/10 2017 viết nhận 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng)

Ngày 23/7/2018 nhận 7.000.000 đ (bảy triệu đồng)

Cụ thể : 170.000.000 đ (tiền gốc) x 10%/năm x 46 tháng, 4 ngày = 65.200.000đ tiền lãi;

Tổng nợ gốc và lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: 170.000.000 đ một trăm bảy mươi triệu đồng + 65.200.000đ (sáu mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng) = 235.200.000 đ (Hai trăm ba mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng)

Bà Phan Thị Hoa và ông Nguyễn Văn Quyển phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 26; khoản 1 điều 35, điều 39,điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 463, 466,468, Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

1-Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi của ông Triệu Văn Khoa và bà Nguyễn Thị Cảnh

Buộc ông Nguyễn Văn Quyển và bà Phan Thị Hoa phải trả khoản tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là : 170.000.000 đ một trăm bảy mươi triệu đồng + 65.200.000đ (sáu mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng) = 235.200.000 đ (Hai trăm ba mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng)

Tổng cộng số tiền phải thanh toán là: 235.200.000 đ (Hai trăm ba mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng)

2-Về án phí : Bà Phan Thị Hoa và ông Nguyễn Văn Quyển phải nộp 11.760.000 đ (mười một triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Cảnh được hoàn lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 000 6883 ngày 23/6/2020 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình.

Trường hợp bản án được thi hành quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**